TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số :100 /2018/QĐST-HNGĐ	*C, ngày 24 tháng 7 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 19/2015 TLST- HNGĐ ngày 13 tháng. 4 năm.2015 giữa:

Nguyên đơn : chị Dương Thị B, sinh 1985

Nơi cư trú: Thôn D, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1974

Nơi cư trú: Thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Căn cứ vào điều 55, 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ vào B bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 7 năm 2018

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 7 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Dương Thị B và anh Nguyễn Văn Đ

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Dương Thị B và anh Nguyễn Văn Đ

Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung cháu Nguyễn Thùy Tr,sinh ngày 12/5/2007

Công nhận sự thỏa thuận nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung giữa chị

Dương Thị B và anh Nguyễn Văn Đ như sau: Giao cháu Nguyễn Thùy Tr cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, chị B không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung

Anh Đ có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở

Về tài sản : Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về án phí : Áp dụng khoản 3, khoản 4 điều 147-BLTTDS, khoản 1, điều 48– Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án ; khoản 4 điều 18; điểm a khoản 1 điều 24; khoản 11 điều 27 - Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Dương Thị B và anh Nguyễn Văn Đ mỗi người phải chịu 50.000đ án phí DSST, chị B nhận nộp luôn cả phần án phí cho anh Đ. được trừ vào số tiền 200.000đ tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2014/0000 337 ngày 10/4/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Như vậy chị B còn được nhận lại 100.000đ

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện C;
- TAND tỉnh Thanh Hóa
- UBND xã Cẩm V
- THADS huyện C
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Lê Thị Thanh